

**ĐỀ THI THỬ MINH HỌA SỐ 22 KỶ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2021**

(Đề thi có 04 trang)

**Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI**

**Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ**

*Thời gian làm bài: 50 phút không kể thời gian phát đề*

Họ, tên thí sinh: .....

Số báo danh: .....

- Câu 41.** Các quốc gia có chung đường biên giới với Việt Nam cả trên biển và trên đất liền là  
A. Trung Quốc và Lào. B. Thái Lan và Campuchia.  
C. Campuchia và Trung Quốc. D. Lào và Campuchia.
- Câu 42.** Sự đa dạng sinh học của nước ta *không* thể hiện ở  
A. số lượng thành phần loài. B. các kiểu hệ sinh thái.  
C. nguồn gen quý hiếm. D. phân bố sinh vật.
- Câu 43.** Đặc điểm nổi bật trong hoạt động của bão nước ta là  
A. mùa bão chậm dần từ Bắc vào Nam. B. bão hoạt động mạnh nhất ở Bắc Bộ  
C. bão tập trung nhiều nhất vào tháng VI. D. mùa bão từ tháng VII đến tháng X.
- Câu 44.** Căn cứ vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 4 -5, cho biết tỉnh nào sau đây của nước ta *không* giáp với Lào ?  
A. Lai Châu. B. Điện Biên. C. Sơn La. D. Thanh Hóa.
- Câu 45.** Căn cứ vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 6 – 7, cho biết cửa sông nào sau đây *không* thuộc hệ thống sông Tiền và sông Hậu?  
A. Cửa Tiểu B. Cửa Đại C. Cửa Soi Rạp. D. Cửa Trần Đề.
- Câu 46.** Căn cứ vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết miền khí hậu phía Bắc *không* có vùng khí hậu nào sau đây ?  
A. Vùng khí hậu Tây Bắc. B. Vùng khí hậu Đông Bắc.  
C. Vùng khí hậu Trung và Nam Bắc Bộ. D. Vùng khí hậu Nam Trung Bộ.
- Câu 47.** Căn cứ vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết nhóm đất nào phân bố ven sông Tiền, sông Hậu nước ta ?  
A. Đất phù sa sông. B. Đất phèn. C. Đất mặn D. Đất cát biển
- Câu 48.** Căn cứ vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây thuộc vùng Bắc Trung Bộ  
A. Vinh. B. Đà Nẵng. C. Hội An. D. Tam Kỳ.
- Câu 49.** Căn cứ vào biểu đồ GDP và tốc độ tăng trưởng qua các năm trong Átlat địa lí Việt Nam trang 17, giai đoạn 2000 -2007 , GDP của nước ta tăng  
A. 1,6 lần B. 2,6 lần C. 3,6 lần D. 4,0 lần
- Câu 50.** Căn cứ vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 8 nối Cầu Treo với nơi nào sau đây?  
A. Thanh Hoá. B. Vinh. C. Hồng Lĩnh. D. Hà Tĩnh.
- Câu 51.** Căn cứ vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết di sản nào sau đây *không* phải là di sản văn hóa thế giới?  
A. Cố đô Huế. B. Phố cổ Hội An. C. Di tích Mỹ Sơn. D. Phong Nha – Kẻ Bàng.
- Câu 52.** Căn cứ vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết mỏ sắt Trại Cau thuộc tỉnh nào sau đây?  
A. Thái Nguyên. B. Lạng Sơn. C. Bắc Giang. D. Bắc Ninh.
- Câu 53.** Căn cứ vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết khu kinh tế ven biển Nghi Sơn thuộc tỉnh nào?  
A. Thanh Hoá. B. Nghệ An. C. Hà Tĩnh. D. Quảng Bình.
- Câu 54.** Căn cứ vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết ngành khai thác chế biến lâm sản có ở trung tâm công nghiệp nào sau đây?  
A. Đà Nẵng. B. Quảng Ngãi. C. Quy Nhơn. D. Phan Thiết.
- Câu 55.** Thiên tai nào sau đây *không* xảy ra ở khu vực đồi núi?  
A. Lũ nguồn, lũ quét. B. Sương muối, rét hại.  
C. Xói mòn, rửa trôi. D. Triều cường, ngập mặn.
- Câu 56.** Dân cư nước ta chủ yếu sống ở nông thôn do

- A. nông thôn có diện tích lớn hơn.
- C. nông nghiệp vẫn là ngành chính.

- B. quy mô các đô thị còn nhỏ.
- D. mức sống ở nông thôn cao hơn.

**Câu 57.** Các đô thị ở nước ta thường có chức năng là

- A. trung tâm kinh tế
- C. trung tâm văn hóa- giáo dục

- B. trung tâm hành chính
- D. trung tâm tổng hợp

**Câu 58.** Vùng nuôi tôm lớn nhất của nước ta là

- A. Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ.

- B. Đồng bằng sông Hồng.
- D. Bắc Trung Bộ.

**Câu 59.** Mạng lưới đường bộ của nước ta được mở rộng và hiện đại hóa do

- A. nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi về tự nhiên.
- B. huy động các nguồn vốn và tập trung đầu tư.
- C. các nhà đầu tư nước ngoài tham gia xây dựng.
- D. sự phát triển và phân bố của các ngành kinh tế.

**Câu 60.** Phương hướng để khai thác nguồn lợi hải sản hiệu quả, đồng thời góp phần bảo vệ vùng trời, vùng biển, thềm lục địa của nước ta là

- A. đánh bắt xa bờ.
- C. chế biến tại chỗ.

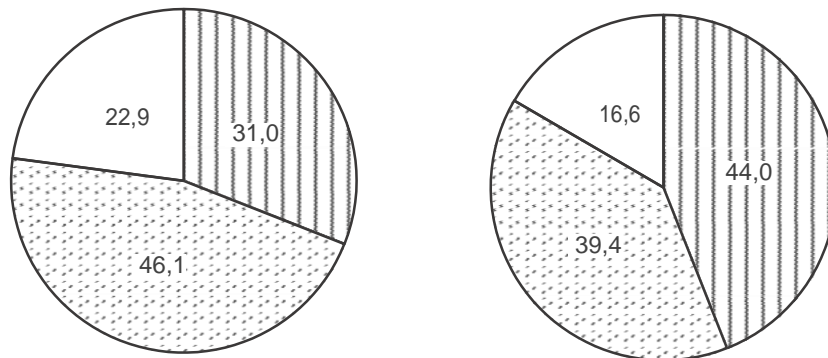
- B. đánh bắt ven bờ.
- D. đẩy mạnh xuất khẩu.

**Câu 61.** Đặc điểm của vùng kinh tế trọng điểm *không* phải là

- A. bao gồm phạm vi của nhiều tỉnh, thành phố.
- C. có tỉ trọng lớn trong GDP của cả nước.

- B. hội tụ đầy đủ các thế mạnh.
- D. cố định về ranh giới theo thời gian.

**Câu 62.** Cho biểu đồ:



Năm 2010

Năm 2014

- Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản
- Hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp
- Hàng nông, lâm thủy sản và hàng khác

**CƠ CẤU GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU HÀNG HÓA PHÂN THEO NHÓM HÀNG, NĂM 2010 VÀ 2014 (%)**

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hóa phân theo nhóm hàng của nước ta năm 2010 và năm 2014?

- A. Tỉ trọng hàng công nghiệp nặng và khoáng sản giảm.
- B. Tỉ trọng hàng nông, lâm thủy sản và hàng khác luôn nhỏ nhất.
- C. Tỉ trọng hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp tăng.
- D. Tỉ trọng hàng công nghiệp nặng và khoáng sản luôn lớn nhất.

**Câu 63.** Đông Nam Á có vị trí địa - chính trị rất quan trọng vì

- A. khu vực này tập trung rất nhiều loại khoáng sản.
- B. là nơi đông dân nhất thế giới, tập trung nhiều thành phần dân tộc.
- C. nền kinh tế phát triển mạnh và đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- D. án ngữ các tuyến hàng hải và hàng không quốc tế quan trọng.

**Câu 64.** Cho bảng số liệu:

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP TRONG NƯỚC CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2015

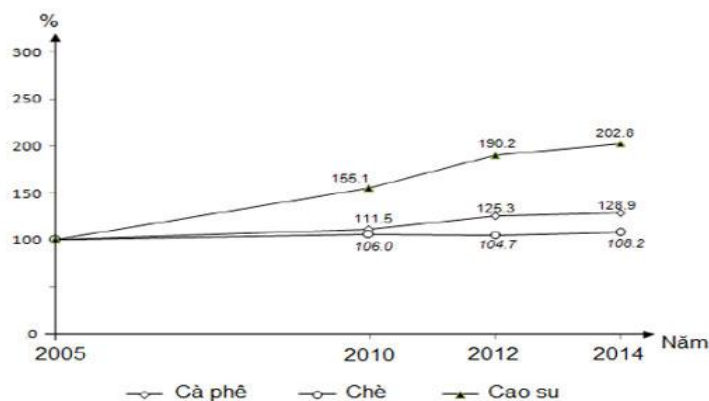
(Đơn vị: %)

Năm	2010	2012	2014	2015
In-đô-nê-xi-a	6,2	6,0	5,0	4,8
Ma-lai-xi-a	7,0	5,5	6,0	5,0
Phi-líp-pin	7,6	6,7	6,2	5,9
Thái Lan	7,5	7,2	0,8	2,8
Việt Nam	6,4	5,3	6,0	6,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về tốc độ tăng trưởng GDP trong nước của một số quốc gia giai đoạn 2010 – 2015?

- A. In-đô-nê-xi-a và Thái Lan giảm nhanh.      B. Ma-lai-xi-a và Phi-líp-pin tăng nhanh.  
 C. Việt Nam và Thái Lan tăng khá ổn định.      D. Phi-líp-pin có xu hướng giảm nhanh.
- Câu 65.** Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quy định bởi vị trí nước ta nằm trong  
 A. vùng nội chí tuyến Bắc bán cầu.      B. vùng nội chí tuyến Nam bán cầu.  
 C. khu vực gió Tín phong Bắc bán cầu.      D. khu vực hoạt động của gió mùa châu Á.
- Câu 66.** Trong nội bộ ngành công nghiệp, sự chuyển dịch diễn ra theo hướng nào sau đây?  
 A. Tăng tỉ trọng sản phẩm giá rẻ, có khả năng cạnh tranh trên thị trường.  
 B. Giảm tỉ trọng các sản phẩm cao cấp, có chất lượng.  
 C. Tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến, giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác.  
 D. Tăng liên tục tỉ trọng công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt.
- Câu 67.** Nhân tố tự nhiên quan trọng nhất ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các khu công nghiệp hiện nay của nước ta là  
 A. tài nguyên khoáng sản.      B. đặc điểm địa hình.  
 C. vị trí địa lí.      D. đặc điểm khí hậu.
- Câu 68.** Trong sản xuất lúa, cơ cấu mùa vụ đang có những chuyển biến tích cực theo hướng  
 A. mở rộng diện tích lúa đông xuân và lúa mùa.      B. mở rộng diện tích lúa hè thu và lúa mùa.  
 C. mở rộng diện tích lúa đông xuân và hè thu.      D. giảm diện tích lúa hè thu và lúa mùa.
- Câu 69.** Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch chủ yếu do  
 A. có đường bờ biển dài, ít đảo ven bờ.      B. bờ biển có nhiều vũng vịnh, mực nước sâu.  
 C. có nhiều vũng vịnh rộng.      D. nhiều bãi biển đẹp, nóng quanh năm.
- Câu 70.** Điều kiện tự nhiên thuận lợi hàng đầu để Tây Nguyên trở thành vùng chuyên canh cây công nghiệp là  
 A. đất badan có tầng phong hóa sâu, lượng mưa tập trung vào mùa mưa.  
 B. khí hậu cận xích đạo, khô nóng quanh năm.  
 C. đất feralit phân bố trên các cao nguyên xếp tầng.  
 D. đất badan giàu dinh dưỡng, khí hậu cận xích đạo.
- Câu 71.** Các nước Đông Nam Á lục địa có ưu thế hơn các nước Đông Nam Á biển đảo về  
 A. tài nguyên khoáng sản.      B. tài nguyên rừng.  
 C. diện tích đồng bằng.      D. tài nguyên năng lượng.
- Câu 72.** Cho biểu đồ:



Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta.
- B. Sự chuyển dịch cơ cấu diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta.
- C. Tốc độ tăng trưởng diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta.
- D. Quy mô diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta.

**Câu 73.** Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu góp phần nâng cao giá trị ngành chăn nuôi ở nước ta?

- A. Cơ sở thức ăn cho chăn nuôi được đảm bảo.
- B. Ngành công nghiệp chế biến phát triển.
- C. Dịch vụ (giống và thú y) có nhiều tiến bộ.
- D. Thị trường tiêu thụ sản phẩm được mở rộng.

**Câu 74.** Đặc điểm nào sau đây *không* đúng với ngành du lịch nước ta?

- A. Số lượt khách nội địa ít hơn khách quốc tế.
- B. Số khách du lịch tăng nhanh.
- C. Phát triển nhanh từ cuối thế kỉ XX đến nay.
- D. Doanh thu có xu hướng tăng nhanh.

**Câu 75.** Thế mạnh nào dưới đây *không* phải của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ?

- A. Phát triển tổng hợp kinh tế biển.
- B. Phát triển chăn nuôi trâu bò, ngựa, dê, lợn
- C. Trồng cây công nghiệp dài ngày nhiệt đới
- D. Khai thác chế biến khoáng sản, thủy điện

**Câu 76.** Biện pháp quan trọng nhất để khai thác tốt hơn tiềm năng tự nhiên cho sản xuất lương thực vùng đồng bằng sông Cửu Long là

- A. giải quyết tốt vấn đề thủy lợi.
- B. chuyển đổi cơ cấu mùa vụ.
- C. tăng cường việc bảo vệ rừng ngập mặn.
- D. phát triển công nghiệp chế biến.

**Câu 77.** Yếu tố nào sau đây tác động chủ yếu đến vấn đề thiếu việc làm ở Đồng bằng sông Hồng?

- A. Chất lượng lao động chưa đáp ứng được yêu cầu.
- B. Phân bố dân cư, nguồn lao động chưa hợp lý.
- C. Có nhiều đô thị tập trung dân cư đông đúc.
- D. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm.

**Câu 78.** Biện pháp quan trọng nhất để nâng cao hiệu quả phát triển cây công nghiệp ở Đông Nam Bộ là

- A. thay đổi cơ cấu cây trồng, phát triển thủy lợi.
- B. đầu tư và hiện đại công nghiệp chế biến.
- C. mở rộng thêm diện tích, phát triển thủy lợi.
- D. mở rộng và đa dạng thị trường xuất khẩu.

**Câu 79.** Để nâng cao giá trị nuôi trồng thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long, vấn đề cần quan tâm hàng đầu là

- A. mở rộng diện tích nuôi trồng.
- B. đảm bảo nguồn thức ăn.
- C. đẩy mạnh công nghiệp chế biến.
- D. mở rộng thị trường.

**Câu 80.** Cho bảng số liệu

QUY MÔ VÀ CƠ CẤU GDP NƯỚC TA PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2000 – 2014

Năm	Tổng số (tỉ đồng)	Cơ cấu (%)		
		Nông – lâm – thủy sản	Công nghiệp – xây dựng	Dịch vụ
2000	441646	24,5	36,7	38,8
2014	3937856	17,7	33,2	39,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi quy mô và cơ cấu GDP nước ta phân khu vực kinh tế năm 2000 và 2014, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ cột chồng
- B. Biểu đồ miền
- C. Biểu đồ tròn
- D. Biểu đồ kết hợp

## Ma trận đề

Chuyên đề		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	TỔNG
Địa lí 11 4 câu	Lí thuyết		1	1		2
	Biểu đồ			1		1
	Bảng số liệu			1		1
Địa lí 12 36 câu	Tự nhiên	3	2			5
	Dân cư		2			2
	Ngành kinh tế		2	4		6
	Vùng kinh tế		2	3	5	10
	Atlas	9	2			11
	Biểu đồ		1			1
	Bảng số liệu				1	1
Số câu		12	12	10	6	40
<b>Tỉ lệ (%)</b>		<b>30</b>	<b>30</b>	<b>25</b>	<b>15</b>	<b>100</b>
		<b>60</b>		<b>40</b>		

## ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI

CÂU	ĐÁP ÁN	CÂU	ĐÁP ÁN	CÂU	ĐÁP ÁN	CÂU	ĐÁP ÁN
41	C	51	D	61	D	71	C
42	D	52	A	62	C	72	C
43	A	53	A	63	D	73	B
44	A	54	C	64	A	74	A
45	C	55	D	65	A	75	C
46	D	56	C	66	C	76	A
47	A	57	D	67	A	77	D
48	A	58	A	68	C	78	A
49	B	59	B	69	D	79	C
50	C	60	A	70	D	80	C

CÂU	ĐÁP ÁN	GIẢI THÍCH
41	C	Bài 2: Vị trí địa lí phạm vi lãnh thổ - Mục 2. PHẠM VI LÃNH THỔ - Ý a Vùng đất.
42	D	Bài 14: Sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên – Mục 1 Sử dụng và bảo vệ tài nguyên sinh vật – ý b Đa dạng sinh học.
43	A	Bài 8: Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển. – Mục 2 Ảnh hưởng của biển đông đến thiên nhiên Việt Nam – ý d Thiên tai
44	A	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
45	C	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
46	D	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
47	A	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.

48	A	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
49	B	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
50	C	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
51	D	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
52	A	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
53	A	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
54	C	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
55	D	Bài 15: Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai – Mục 2 Một số thiên tai chủ yếu và biện pháp phòng chống.
56	C	Bài 16: Đặc điểm dân số và sự phân bố dân cư ở nước ta: Mục 3 phân bố dân cư chưa hợp lí – ý b giữa Thành thị và nông thôn: nông nghiệp vẫn là ngành chính
57	D	Bài 18 : Đô thị hóa : trung tâm tổng hợp vừa là trung tâm kinh tế - văn hóa giáo dục và hành chính.
58	A	Bài 24: Vấn đề phát triển thủy sản và lâm nghiệp – Mục 1 Ngành thủy sản – ý b sự phát triển và phân bố ngành thủy sản.
59	B	Bài 30 : Vấn đề phát triển ngành GTVT và TLLL – Mục 1 Giao thông vận tải. – ý A. Đường bộ.
60	A	Bài 24: Vấn đề phát triển thủy sản và lâm nghiệp – Mục 1 Ngành thủy sản – ý a Những điều kiện thuận lợi và khó khăn để phát triển ngành thủy sản: Những đổi mới trong chính sách của Nhà nước đã tác động tích cực: Khai thác gắn với bảo vệ nguồn lợi và giữ vững chủ quyền vùng biển, hải đảo( đẩy mạnh đánh bắt xa bờ)
61	D	Bài 43: Vùng kinh tế trọng điểm – Mục 1: Đặc điểm
62	C	Nhận xét đúng về sự thay đổi cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hóa phân theo nhóm hàng của nước ta năm 2010 và năm 2014: Tỷ trọng hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp tăng
63	D	Bài 11( Địa lí 11) Khu vực đông nam á – I. Tự nhiên - Mục 1 Vị trí địa lí và lãnh thổ
64	A	Nhận xét đúng về tốc độ tăng trưởng GDP trong nước của một số quốc gia giai đoạn 2010 – 2015: In-đô-nê-xi-a và Thái Lan giảm nhanh.
65	A	Bài 9 Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa – Mục 1 Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa – ý A. Tính chất nhiệt đới
66	C	Bài 20: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế - Mục 1 chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế: Tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến, giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác
67	A	Bài 28: Vấn đề tổ chức lãnh thổ công nghiệp – Mục 2 các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến tổ chức lãnh thổ công nghiệp: Nhân toos tự nhiên quan trọng nhất : tài nguyên khoáng sản
68	C	Bài 22: Vấn đề phát triển nông nghiệp: Mục 1: ngành trồng trọt – ý A. Sản xuất lương thực.
69	D	Bài 36: Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở ĐHNTB – Mục 1 Khái quát chung: nhiều bãi biển đẹp
70	D	Bài 37: Vấn đề khai thác thế mạnh ở Tây Nguyên: - Mục 2 Phát triển cây công nghiệp lâu năm.
71	C	Bài 11( Địa lí 11) Khu vực đông nam á – I Tự nhiên – Mục 2 Đặc điểm tự nhiên
72	C	Biểu đồ thể hiện Tốc độ tăng trưởng diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta.
73	B	Bài 22: Vấn đề phát triển nông nghiệp – Mục 2 Ngành chăn nuôi: để Ngành công nghiệp chế biến ngày càng phát triển đã làm cho giá trị sản

		phẩm được nâng cao.
74	A	Bài 31: Vấn đề phát triển thương mại, du lịch: Mục 2 Du lịch – ý B. tình hình phát triển và các trung tâm du lịch chủ yếu.
75	C	Bài 32: Vấn đề khai thác thế mạnh ở TDMNBB – Mục 3 trồng và chế biến cây công nghiệp, cây dược liệu, rau củ cận nhiệt và ôn đới:
76	A	Bài: 41: Sử dụng hợp lý và cải tạo tự nhiên ở ĐBSCL – Mục 3 Sử dụng hợp lý và cải tạo tự nhiên ở ĐBSCL
77	D	Bài 33 Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở ĐBSH – Mục 2 Hạn chế chủ yếu của vùng.
78	A	Bài 39: Khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở ĐNB – Mục 3 Khai thác lãnh thổ theo chiều sâu – ý c Trong Nông, lâm nghiệp: Vấn đề thủy lợi có ý nghĩa hàng đầu và việc thay đổi cơ cấu cây trồng đang nâng cao vị trí của vùng...
79	C	Bài: 41: Sử dụng hợp lý và cải tạo tự nhiên ở ĐBSCL : Mục 3. Sử dụng hợp lý và cải tạo tự nhiên ở ĐBSCL
80	C	Tròn